

## **MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ CHÍNH SÁCH CHUNG, CHÍNH SÁCH ĐẶC THÙ, CHÍNH SÁCH VƯỢT TRỘI VỀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO Ở VIỆT NAM**

**Hoàng Lan Chi<sup>1</sup>, Hoàng Xuân Long**  
Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ

---

### **Tóm tắt:**

*Có thể phân chia hệ thống chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) thành các loại chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội. Mỗi loại chính sách này có những đặc điểm, ý nghĩa và nội hàm riêng. Thông qua phân tích chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội cho phép nhận biết rõ hơn thực trạng và giải pháp phát triển chính sách KH, CN & ĐMST ở Việt Nam trong thời gian tới.*

**Từ khóa:** Khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo; Chính sách; Đặc thù; Vượt trội.

**Mã số:** 23112301

## **SOME PERSPECTIVES ON GENERAL POLICIES, SPECIAL POLICIES, AND EXCELLENCE POLICIES IN SCIENCE, TECHNOLOGY, AND INNOVATION IN VIETNAM**

### **Summary:**

*The system of science, technology, and innovation (STI) policies can be categorized into general, specific, and advanced policies. Each type has its characteristics, significance, and content. The analysis of general, specific, and advanced policies allows a clearer understanding of the current situation and development solutions for STI policies in Vietnam in the near future.*

**Keywords:** Science and technology; Innovation; Policies; Specific; Advanced.

Hệ thống chính sách KH, CN & ĐMST có thể được phân loại dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Theo lĩnh vực KH & CN có chính sách cho khoa học tự nhiên, chính sách cho khoa học kỹ thuật và công nghệ, chính sách cho khoa học y và dược, chính sách cho khoa học nông nghiệp, chính sách cho khoa học xã hội, chính sách cho khoa học nhân văn; Theo hoạt động KH & CN có chính sách cho hoạt động nghiên cứu cơ bản, chính sách cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ, chính sách cho sáng kiến và cải tiến kỹ thuật, chính sách cho dịch vụ KH & CN; Theo yếu tố hoạt động KH & CN có chính sách phát triển nguồn nhân lực KH & CN, chính sách tài chính cho KH & CN, chính sách đất đai cho hoạt động KH & CN, chính sách phát triển hạ tầng KH & CN (bao gồm cả

---

<sup>1</sup> Liên hệ tác giả: lanchi.hoang.apd@gmail.com

thông tin); Theo chủ thể hoạt động KH&CN có chính sách đối với các tổ chức KH&CN, chính sách đối với các doanh nghiệp hoạt động KH&CN, chính sách đối với cá nhân hoạt động KH&CN;... Ở đây, sẽ nêu lên một số ý kiến về phân loại chính sách KH,CN&ĐMST theo mức độ can thiệp của nhà nước. Với góc nhìn này, hệ thống chính sách KH,CN&ĐMST bao gồm chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội.

## **1. Chính sách chung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### ***1.1. Đặc điểm của chính sách chung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

Cơ chế thị trường vốn có khả năng điều tiết nhiều hoạt động KH,CN&ĐMST. Đó là phần KH,CN&ĐMST không cần đến sự can thiệp của nhà nước. Đồng thời, điều tiết của cơ chế thị trường tỏ ra thiếu hiệu quả trong chi phối một phần KH,CN&ĐMST và cần đến can thiệp của nhà nước. Chính sách chung về KH,CN&ĐMST hình thành trên cơ sở những hạn chế của cơ chế thị trường. Chính sách chung về KH,CN&ĐMST có các đặc điểm nổi bật sau:

- Chính sách chung về KH,CN&ĐMST giống với chính sách ở các lĩnh vực khác như kinh tế, văn hóa, giáo dục và đào tạo, môi trường, xã hội,... Đó là sự tương thích về thể loại chính sách (chiến lược, kế hoạch,...), các dạng công cụ chính sách (hỗ trợ trực tiếp, thuế, tín dụng,...), mức độ ưu đãi, cách thức quản lý,...
- Chính sách chung về KH,CN&ĐMST hiện diện khá phổ biến ở các ngành, lĩnh vực kinh tế-xã hội, các lĩnh vực KH,CN&ĐMST, các loại hình, các chủ thể hoạt động KH,CN&ĐMST, các ý nghĩa của KH,CN&ĐMST (tăng tri thức, nâng cao năng suất, nâng cao sức cạnh tranh, tăng GDP, phát triển mô hình kinh doanh mới,...).
- Chính sách chung về KH,CN&ĐMST bao gồm nhiều loại công cụ chính sách khác nhau như khuyến khích, hỗ trợ trực tiếp và gián tiếp, tôn vinh, kiểm soát,...
- Chính sách chung về KH,CN&ĐMST có các mối quan hệ ràng buộc bên trong tạo nên sự cân bằng nhất định giữa các chính sách cụ thể. Khác biệt giữa các thể loại công cụ chính sách, mức độ ưu đãi, cách thức quản lý,... được giới hạn và duy trì trong thể cân bằng với nhau.
- Phạm vi rộng - hẹp, mức độ nhiều - ít của chính sách chung về KH,CN&ĐMST phụ thuộc vào hạn chế của điều tiết cơ chế thị trường và khả năng can thiệp của nhà nước (nguồn lực, khả năng hiểu biết, năng lực quản lý,...). Trong trường hợp có sự hạn chế của điều tiết cơ chế thị trường nhưng không có khả năng can thiệp của nhà nước thì không thể có được chính sách thực sự phát huy tác dụng.
- Ranh giới giữa điều tiết của cơ chế thị trường và can thiệp của nhà nước thông qua chính sách chung về KH,CN&ĐMST khá phức tạp. Ở đây không có ranh

giới rành mạch, rõ ràng và theo khuôn khổ thống nhất chung giữa các nước và các giai đoạn. Cũng không có ranh giới hoàn toàn riêng rẽ giữa chính sách chung về KH,CN&ĐMST và các chính sách thuộc các lĩnh vực khác.

### **1.2. Chính sách chung về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, đã có các chính sách chung về KH,CN&ĐMST với nhiều loại công cụ chính sách, liên quan tới nhiều lĩnh vực và loại hình hoạt động KH&CN, điều chỉnh nhiều loại đối tượng, có mặt trong nhiều hệ thống chính sách,... Phần lớn các chính sách chung về KH,CN&ĐMST đã phát huy tác dụng thực tế và đóng góp vào phát triển chung của đất nước. Bên cạnh đó cũng còn có một số hạn chế cơ bản như: còn thiếu nhiều chính sách về đổi mới sáng tạo,...; một số công cụ chính sách chưa được áp dụng; thiếu một số chính sách phù hợp với bối cảnh mới về cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; thực thi chính sách còn hạn chế; thiếu phối hợp hiệu quả giữa chính sách KH,CN&ĐMST với chính sách khác. Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế này là do quan niệm chưa rõ về can thiệp của Nhà nước vào lĩnh vực KH,CN&ĐMST, do chưa theo kịp xu hướng thay đổi chung về chính sách KH,CN&ĐMST trên thế giới.

Trong giai đoạn tới, cần thiết và có thể tiếp tục điều chỉnh, mở rộng chính sách chung về KH,CN&ĐMST ở Việt Nam. Cụ thể là chú ý áp dụng chính sách chung về KH,CN&ĐMST đối với một số giải pháp như:

- Về đầu tư, tài chính KH,CN&ĐMST:
  - + Đẩy mạnh việc huy động khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư mạnh cho KH,CN&ĐMST;
  - + Tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, vốn ODA, FDI cho phát triển KH,CN&ĐMST;
  - + Mở rộng áp dụng cơ chế tài chính của quỹ phát triển KH&CN. Tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển KH&CN;
  - + Tiếp tục hoàn thiện cơ chế hợp tác công - tư trong hoạt động KH,CN&ĐMST;
  - + Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy tài trợ, hỗ trợ cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các tổ chức tín dụng cho các hoạt động KH,CN&ĐMST;
  - + Tăng cường hành lang pháp lý về đầu tư công và kế hoạch đầu tư công trung hạn theo hướng đảm bảo đúng định hướng ưu tiên của Nhà nước trong đầu tư phát triển về KH,CN&ĐMST.
- Về nhân lực KH&CN:
  - + Chú trọng đào tạo kiến thức KH&CN mới cho thanh thiếu niên. Định hướng nghề nghiệp theo đuổi khoa học, kỹ thuật và ngành kỹ thuật trong các trường học phổ thông và các trường đại học;

- + Huy động tối đa và hỗ trợ các thành phần kinh tế tham gia trực tiếp vào quá trình đào tạo nhân lực KH&CN, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;
  - + Tăng cường sử dụng hiệu quả đội ngũ sinh viên, nghiên cứu sinh, thực tập sinh, chuyên gia KH&CN học tập và làm việc ở nước ngoài;
  - + Hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ nguồn nhân lực thuộc tổ chức trung gian của thị trường KH&CN đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.
- Về tổ chức KH,CN&ĐMST:
- + Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức KH&CN theo hướng giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực nghiên cứu; bảo đảm hoạt động có hiệu quả, phù hợp với các mục tiêu và định hướng nhiệm vụ phát triển KH&CN;
  - + Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các nhóm nghiên cứu trong các viện nghiên cứu trọng điểm và các trường đại học trọng điểm nhằm tạo ra các trường phái khác nhau thúc đẩy sự phát triển của KH&CN;
  - + Phát triển, nâng cao năng lực hệ thống các tổ chức dịch vụ KH&CN, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường KH&CN; trong đó, chú trọng dịch vụ chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn, đo lường và chất lượng.
- Về hạ tầng KH,CN&ĐMST:
- + Ưu tiên đầu tư tăng cường năng lực hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên ngành.
  - + Xây dựng và hoàn thiện hạ tầng thông tin, thống kê KH&CN tin cậy, cập nhật, phù hợp với chuẩn mực quốc tế.
  - + Hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, các trung tâm dữ liệu vùng và địa phương kết nối đồng bộ và thống nhất. Đẩy mạnh việc phổ biến thông tin KH&CN tới người sử dụng, chú trọng thông tin phục vụ doanh nghiệp, phát triển nông thôn, vùng sâu, vùng xa;
  - + Xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới. Thực hiện định danh, công nhận, xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đối với các sản phẩm, công nghệ, mô hình kinh doanh mới;
  - + Thông qua hợp tác công - tư hình thành trung tâm mô phỏng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy nhanh việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất, kinh doanh.
- Về nhiệm vụ KH&CN:
- + Các chương trình KH&CN tham gia hỗ trợ tổ chức, doanh nghiệp tìm kiếm thông tin công nghệ, tư vấn, chuyển giao công nghệ, đào tạo nguồn nhân lực làm chủ, phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;

- + Mở rộng và nâng cao tính hiệu quả của quan hệ lồng ghép giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo trong các chương trình KH&CN;
- + Tăng cường công khai minh bạch thông tin về kết quả nghiên cứu KH&CN, kết quả chuyển giao và ứng dụng các sản phẩm KH&CN vào sản xuất và đời sống xã hội.
- Về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp:
  - + Tập trung nâng cao năng lực của doanh nghiệp về tiếp thu, làm chủ và từng bước tham gia tạo ra công nghệ trong thời gian tới;
  - + Thúc đẩy sự hình thành và phát triển các mạng liên kết các doanh nghiệp nhằm tăng cường hoạt động KH,CN&ĐMST;
  - + Hỗ trợ nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ nghiên cứu, cán bộ kỹ thuật cho các doanh nghiệp;
  - + Phát triển mạnh hình thức doanh nghiệp đặt hàng nhiệm vụ KH&CN cho viện nghiên cứu, trường đại học thực hiện; liên kết với viện, trường để xây dựng và cùng tổ chức thực hiện nhiệm vụ KH&CN các cấp;
  - + Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, tạo động lực cho phát triển KH&CN và ứng dụng kết quả KH&CN vào sản xuất, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.
- Về liên kết trong nước:
  - + Tăng cường các biện pháp gắn kết Nhà nước, doanh nghiệp, nhà khoa học để nâng cao năng lực công nghệ, ứng dụng công nghệ mới;
  - + Xây dựng và phát triển mô hình liên kết giữa tổ chức KH&CN, viện nghiên cứu, trường đại học, các nhà khoa học trong và ngoài nước với doanh nghiệp nhằm gắn kết giữa nhu cầu của thị trường công nghệ và mức độ đáp ứng trong nghiên cứu và chuyển giao;
  - + Phát triển nhóm nghiên cứu hỗn hợp viện nghiên cứu - trường đại học - doanh nghiệp.
- Về thị trường KH&CN:
  - + Phát triển mạng lưới các tổ chức dịch vụ trung gian môi giới, đánh giá, chuyển giao công nghệ;
  - + Kết nối có hiệu quả các sản phẩm công nghệ quốc gia với các trung tâm ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN ở các địa phương;
  - + Đẩy mạnh thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ;
  - + Thúc đẩy sự liên thông của thị trường KH&CN với thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường lao động, thị trường vốn.
- Về hội nhập quốc tế KH,CN&ĐMST:

- + Đẩy mạnh thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực từ nước ngoài và các đối tác quốc tế cho hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, chuyển giao công nghệ;
- + Tạo cơ chế, chính sách thuận lợi để thu hút, khuyến khích các tổ chức, cá nhân thuộc mọi thành phần kinh tế hợp tác liên kết nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

## **2. Chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

### **2.1. Đặc điểm của chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

Mỗi lĩnh vực thường có một số đặc thù riêng. Đặc thù của lĩnh vực KH,CN&ĐMST liên quan tới lợi ích dài hạn và tổng thể, hoạt động mang tính sáng tạo, đề cao vai trò cá nhân,... Tính đặc thù của KH,CN&ĐMST có ảnh hưởng tới cơ chế thị trường trong KH,CN&ĐMST. Phát huy của cơ chế thị trường trong KH,CN&ĐMST gặp nhiều khó khăn do: nhu cầu thường là dành cho tương lai và mang tính gián tiếp, độ tin cậy của hàng hóa trao đổi không cao (không thể sờ nắm và không dễ nhận biết trực tiếp các thuộc tính KH,CN&ĐMST, giá trị sử dụng của sản phẩm KH,CN&ĐMST chỉ thực sự bộc lộ trong quá trình sử dụng để sản xuất ra các sản phẩm và dịch vụ,...), bất bình đẳng khá lớn về thông tin giữa người mua và người bán sản phẩm KH,CN&ĐMST (trong khi người bán biết rõ sản phẩm của mình, thì người mua thường có rất ít thông tin về chất lượng thực của hàng hoá được mang trao đổi, người bán khó biết được người mua có giữ cam kết trong hợp đồng sau khi đã có được sản phẩm hay không,...), khó khăn trong định giá bán và thoả thuận giá cả đối với sản phẩm KH,CN&ĐMST (giá cả của hàng hoá trên thị trường KH&CN thường không do giá trị quyết định mà do giá trị sử dụng quyết định,...). Chính sách chung về KH,CN&ĐMST bị hạn chế trong can thiệp vào các đặc thù KH,CN&ĐMST và do đó cần có chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST.

Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST có các đặc điểm nổi bật sau:

- Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST có sự tương thích nhất định về mức độ ưu đãi với chính sách đặc thù về giáo dục, văn hóa,...
- Phạm vi của chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST hẹp hơn nhiều so với phạm vi của chính sách chung về KH,CN&ĐMST.
- Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST có mức độ ưu đãi cao hơn, cơ chế quản lý thông thoáng hơn chính sách chung về KH,CN&ĐMST.
- Trong chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST cũng có nhiều loại tương ứng với đặc thù riêng của từng lĩnh vực KH&CN, từng loại hình KH&CN,...
- Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST có ý nghĩa bổ sung cho chính sách chung về KH,CN&ĐMST (khắc phục hạn chế của chính sách chung đối với các hoạt động mang tính đặc thù), đồng thời, cũng phần nào gây nên sự phá

vỡ cân bằng được thiết lập ở chính sách chung về KH,CN&ĐMST. Chính sách đặc thù khiến cho chính sách chung bị giảm sức hấp dẫn một cách tương đối. Hiện diện của chính sách đặc thù dễ gây xu hướng “đặc thù hóa” các chính sách chung để được hưởng ưu đãi cao hơn.

- Đặc điểm riêng của hoạt động KH,CN&ĐMST là một điều kiện để hình thành chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST. Tuy nhiên, có một số yếu tố khác cản trở sự ra đời của chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST như: e ngại xuất hiện chênh lệch về ưu đãi so với mặt bằng chung, phải bỏ thêm nguồn lực, phải tăng năng lực quản lý. Trong nhiều trường hợp không có chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST không phải do thiếu nhận biết về đặc điểm riêng của KH,CN&ĐMST mà bởi không cho rằng hệ lụy từ chính sách mới là quá lớn so với lợi ích mang lại,...

## **2.2. Chính sách đặc thù về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Ở Việt Nam, đã có các chính sách đặc thù về nhân lực KH&CN, tổ chức KH&CN, hạ tầng cho KH&CN, trao đổi kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ,... Có thể thấy, nhiều chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST đã phát huy tác dụng trên thực tế và góp phần vào phát triển KH,CN&ĐMST và kinh tế-xã hội.

Bên cạnh những thành công, chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST ở Việt Nam cũng bộc lộ một số hạn chế. Rõ nhất là còn thiếu một số chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST. Hoạt động KH,CN&ĐMST còn bị điều chỉnh bởi những chính sách không phù hợp về nhiệm vụ KH&CN, tự chủ của các tổ chức KH&CN công lập, quản lý nhân lực KH&CN,... Ở đây bao gồm cả trường hợp có những chính sách tuy có phân biệt với mặt bằng chung nhưng vẫn chưa đủ mức khác biệt mang tính đặc thù.

Sự thiếu vắng chính sách đặc thù và sử dụng chính sách chung để điều chỉnh các đối tượng mang tính đặc thù riêng đã mang lại hậu quả là không khuyến khích hoạt động KH,CN&ĐMST, cản trở sự phát triển và ứng dụng KH,CN&ĐMST vào sản xuất và đời sống.

Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST cũng thường gặp khó khăn trong triển khai thực hiện. Đó là các nội dung chính sách đặc thù không phát huy được trên thực tế và chỉ có ý nghĩa trên danh nghĩa.

Những hạn chế trên là do các nguyên nhân sau:

- Mặc dù đã nhấn mạnh tới tính đặc thù của KH,CN&ĐMST ở nhiều văn bản định hướng quan trọng, nhưng vẫn chưa có được sự thống nhất, đồng thuận trong các vấn đề cụ thể. Đâu đó vẫn còn những nghi ngại về chính sách đặc thù cho KH,CN&ĐMST sẽ tạo khác biệt không đáng có và tiêu tốn nguồn lực. Không vượt qua được e ngại này, không thể xây dựng được chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST hoặc có ban hành cũng không dễ triển khai được trên thực tế.

- Năng lực quản lý yếu kém gây nên hạn chế trong thực thi chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST. Chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST đã ban hành không được phát huy và đạt được kỳ vọng trên thực tế lại trở thành lý do hậu thuẫn cho ý kiến ngăn ngại ban hành thêm chính sách đặc thù riêng cho KH,CN&ĐMST.
- Một phần KH&CN vẫn còn pha tạp tính chất khác như viện nghiên cứu nhà nước bao gồm những người không có khả năng nghiên cứu nhưng chưa bị loại bỏ... KH&CN bị pha tạp đã làm giảm đi tính đặc thù riêng và ảnh hưởng tới việc xây dựng và thực thi các chính sách đặc thù.

Các phân tích nêu trên đã gợi mở cho giải pháp trong thời gian tới là: tập trung thực thi có hiệu quả các chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST đã được ban hành (bao gồm cả việc rà soát, điều chỉnh các nội dung chính sách phù hợp với khả năng thực thi); bổ sung thêm chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST để tháo gỡ những trở ngại trong hoạt động KH,CN&ĐMST và thúc đẩy KH,CN&ĐMST phát triển; mở rộng chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST phải đồng bộ với các giải pháp như tăng cường phối hợp giữa các bộ, ngành, nâng cao năng lực của bộ máy quản lý, đổi mới mạnh mẽ hoạt động KH,CN&ĐMST theo hướng sàng lọc loại bỏ phần vốn không thuộc về KH,CN&ĐMST. Cụ thể hơn, cần chú ý áp dụng chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST đối với một số giải pháp như:

- Về đầu tư, tài chính KH,CN&ĐMST:
  - + Đẩy mạnh việc huy động khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư mạnh cho KH,CN&ĐMST;
  - + Tranh thủ các nguồn vốn tài trợ, vốn ODA, FDI cho phát triển KH,CN&ĐMST;
  - + Tăng cường khuyến khích và hỗ trợ tài chính thúc đẩy doanh nghiệp tiến hành KH,CN&ĐMST, đặc biệt là các loại hình doanh nghiệp KH&CN;
  - + Đẩy mạnh cơ chế tự chủ đối với các đơn vị sự nghiệp KH&CN công lập, thực hiện cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán từng phần, cấp kinh phí thực hiện thông qua Quỹ phát triển KH&CN đối với nhiệm vụ KH&CN, giao dự toán lương và hoạt động bộ máy của các tổ chức KH&CN công lập trong các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng;
  - + Sửa đổi các quy định về đầu tư theo hướng tạo thuận lợi cho các hoạt động thu hút vốn, mua cổ phần, mua bán sáp nhập doanh nghiệp công nghệ; các nhà đầu tư nước ngoài góp vốn vào các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.
- Về nhân lực KH&CN:
  - + Xây dựng các chính sách cử cán bộ khoa học Việt Nam đi làm việc, học tập tại các viện nghiên cứu, trường đại học, doanh nghiệp ở nước ngoài;



- + Tăng cường thu hút các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài về nước tham gia hoạt động KH,CN&ĐMST. Đổi mới chế độ tuyển dụng, trọng dụng nhân tài KH&CN là người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia hoạt động KH&CN tại Việt Nam;
- + Khuyến khích chuyển dịch lao động trình độ cao từ các viện nghiên cứu, trường đại học sang khu vực doanh nghiệp;
- + Đổi mới mạnh mẽ cơ chế quản lý nhân lực KH&CN;
- + Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo, tư vấn, phản biện của các nhà khoa học. Xây dựng các quy chuẩn về đạo đức trong nghiên cứu khoa học theo thông lệ quốc tế.
- Về tổ chức KH,CN&ĐMST:
  - + Quy hoạch, sắp xếp lại hệ thống tổ chức KH&CN theo hướng giảm mạnh đầu mối, khắc phục tình trạng chồng chéo, dàn trải, trùng lặp về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực nghiên cứu;
  - + Thành lập một số tổ chức KH&CN theo mô hình tiên tiến có vốn nước ngoài hoặc liên kết với các tổ chức khoa học tiên tiến nước ngoài;
  - + Thực hiện triệt để cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức KH&CN công lập về nhân lực, kinh phí hoạt động dựa trên kết quả và hiệu quả hoạt động; chuyển việc bố trí kinh phí hoạt động thường xuyên cho các tổ chức KH&CN công lập sang thực hiện phương thức Nhà nước đặt hàng, đấu thầu thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ chế khoán kinh phí đến sản phẩm cuối cùng theo kết quả đầu ra.
- Về hạ tầng KH,CN&ĐMST:
  - + Tiếp tục đầu tư và khai thác có hiệu quả các khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu công nghệ thông tin theo mô hình tiên tiến thế giới, khu làm việc chung.
- Về nhiệm vụ KH&CN:
  - + Tái cơ cấu các chương trình KH&CN cấp quốc gia theo hướng phục vụ thiết thực các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội, chú trọng các nhiệm vụ KH&CN có tính liên ngành; dành nguồn lực tăng cường khả năng hấp thụ công nghệ, năng lực chủ động ứng phó với các cơ hội và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
  - + Đổi mới cơ chế tổ chức và thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo hướng mở rộng sự tham gia của các nhà khoa học và doanh nghiệp, tổ chức xã hội, bảo đảm dân chủ, cạnh tranh, khách quan, công khai và bình đẳng trong việc tuyển chọn tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN; đổi mới căn bản công tác đánh giá KH&CN, bảo đảm sự tương hợp với chuẩn mực quốc tế;

- + Mở rộng áp dụng cơ chế hợp tác công tư (PPP), cơ chế đầu tư đặc thù đối với các nhiệm vụ, dự án KH&CN quy mô lớn.
- Về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp:
  - + Tháo gỡ các rào cản về thể chế gây khó khăn cho hoạt động KH,CN&ĐMST. Xây dựng và thực thi chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong khu vực doanh nghiệp;
  - + Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện dự án chuyển giao, làm chủ và phát triển công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  - + Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu triển khai, khai thác sáng chế, giải mã công nghệ nhập khẩu;
  - + Thực hiện cơ chế đối ứng hợp tác công - tư để doanh nghiệp khai thác có hiệu quả các dự án đổi mới, sáng tạo, nghiên cứu và phát triển công nghệ;
  - + Hợp lý hóa và đơn giản hóa các yêu cầu nhận hỗ trợ của doanh nghiệp để thực hiện các hoạt động KH,CN&ĐMST;
  - + Khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu và phát triển;
  - + Điều chỉnh chính sách thu hút FDI theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng tiêu chí chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ nguồn cho các doanh nghiệp bản địa (upstream, downstream) trong chuỗi sản xuất. Khuyến khích doanh nghiệp FDI đặt các trung tâm NC&PT, trung tâm đổi mới sáng tạo tại Việt Nam;
  - + Có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo;
  - + Tăng số lượng và quy mô các quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp; rà soát, sửa đổi các quy định nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp hình thành quỹ KH&CN đủ lớn để đáp ứng yêu cầu đổi mới công nghệ;
  - + Tăng cường vai trò khách hàng của Nhà nước trong việc mua sản phẩm mới được sản xuất trên cơ sở công nghệ mới.
- Về liên kết trong nước:
  - + Đẩy mạnh công tác nghiên cứu, chuyển giao kết quả nghiên cứu, kết hợp giữa nghiên cứu khoa học và đào tạo trong các trường đại học;
  - + Tăng cường sự hợp tác giữa các viện nghiên cứu và các trường đại học;
  - + Xây dựng cơ chế khuyến khích tổ chức, doanh nghiệp liên kết với các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đầu tư tăng cường cơ sở vật chất, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao có khả năng tiếp thu, làm chủ và khai thác hiệu quả công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam;
  - + Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế, chính sách theo hướng đồng bộ, tạo động lực cho phát triển KH&CN và ứng dụng kết quả KH&CN vào sản xuất, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp.

- Về đổi mới môi trường thể chế tạo điều kiện phát triển KH,CN&ĐMST:
  - + Ban hành thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, mô hình đổi mới sáng tạo mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư.
- Về thị trường KH&CN và hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia:
  - + Đẩy mạnh hỗ trợ thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, tài sản trí tuệ.
  - + Mở rộng hình thức Nhà nước đặt hàng nhiệm vụ KH&CN và mua kết quả nghiên cứu.
  - + Tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu triển khai, khai thác sáng chế, giải mã công nghệ nhập khẩu, ưu tiên mua bán công nghệ nội địa do các tổ chức KH&CN tạo ra.
  - + Tập trung hoàn thiện hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia và hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; trong đó, tập trung vào các giải pháp về con người, công nghệ và thị trường.

### **3. Chính sách vượt trội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo**

#### ***3.1. Đặc điểm của chính sách vượt trội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo***

KH,CN&ĐMST không chỉ là lĩnh vực được nhà nước quan tâm can thiệp (thông qua chính sách chung về KH,CN&ĐMST) và lĩnh vực có tính đặc thù riêng được nhà nước chú ý (thông qua chính sách đặc thù về KH,CN&ĐMST), mà còn là lĩnh vực được nhà nước kỳ vọng đóng vai trò vượt trội. Không thể dùng chính sách chung và chính sách đặc thù để thúc đẩy KH,CN&ĐMST thực hiện vai trò vượt trội. Bởi vậy, cần thêm loại chính sách mới - đó là chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST. Chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST có các đặc điểm nổi bật sau:

- Cùng một thời điểm, có thể có một số lĩnh vực đóng vai trò vượt trội trong phát triển chung của đất nước, có thể có chính sách vượt trội về một số lĩnh vực khác nhau. Khi đó, chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST tương thích với chính sách vượt trội ở một số lĩnh vực khác.
- Phạm vi của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST rất hẹp. Phạm vi này được định vị bởi các giới hạn sau:
  - + Vai trò vượt trội khác với vai trò bình thường của KH,CN&ĐMST. Khác biệt thể hiện ở đột phá, dẫn dắt và mở đường cho phát triển kinh tế-xã hội;
  - + Vượt trội về KH,CN&ĐMST gắn với mục tiêu phát triển chung, tổng quát của quốc gia. Mục tiêu phát triển vượt trội về KH,CN&ĐMST là một phần quan trọng nổi bật trong mục tiêu phát triển chung của quốc gia;

- + Đối tượng của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST phải là những lực lượng, thành phần được xác định cụ thể. Đối tượng của chính sách KH,CN&ĐMST được phân hóa và chỉ một phần rất nhỏ được chính sách vượt trội tập trung hướng tới;
- + Có thể hình dung 2 trường hợp: (1) KH,CN&ĐMST đóng vai trò vượt trội trong phát triển chung và đã có những lực lượng đủ năng lực sẵn sàng thực hiện vai trò này; (2) KH,CN&ĐMST đóng vai trò vượt trội trong phát triển chung nhưng còn thiếu lực lượng đủ năng lực thực hiện vai trò này. Trường hợp (1) không cần can thiệp của nhà nước và chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST chỉ dành cho trường hợp (2).

Giới hạn phạm vi hẹp và rõ của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST có ý nghĩa để thuyết phục những gì xứng đáng được ưu tiên tập trung nguồn lực và hạn chế tối đa tác động ảnh hưởng phá vỡ cân bằng của chính sách chung.

- Chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST bao gồm nhiều loại khác nhau tùy theo đối tượng cụ thể, công cụ chính sách cụ thể, định hướng cụ thể.
- Vai trò của KH,CN&ĐMST được thể hiện trong chính sách chung ở mức nhà nước phải can thiệp bằng chính sách chung. Vai trò của KH,CN&ĐMST được thể hiện trong chính sách đặc thù ở mức nhà nước phải chú ý đến những đặc điểm đặc thù và can thiệp bằng công cụ chính sách đặc thù. Tuy nhiên, có thể phân biệt rõ vai trò KH,CN&ĐMST trong chính sách vượt trội với các vai trò của KH,CN&ĐMST trong chính sách chung và chính sách đặc thù.

Cũng có mối quan hệ nhất định giữa đặc thù và vượt trội về KH,CN&ĐMST. KH,CN&ĐMST có vai trò vượt trội là nhờ đặc điểm riêng đặc thù của mình. Nhưng không phải tất cả các “đặc thù” đều trở thành “vượt trội” và không phải lúc nào “đặc thù” cũng là “vượt trội”.

- Việc xây dựng và thực thi chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST phụ thuộc vào những điều kiện như: vai trò vượt trội được xác định rõ và có tính thuyết phục, xác định cụ thể các đối tượng tập trung hướng tới của chính sách vượt trội, có sự thống nhất và đồng thuận chung của các bộ/ngành, có phương thức quản lý và năng lực quản lý phù hợp, có nguồn lực đảm bảo,... và đặc biệt là quyết tâm, ý chí của cấp lãnh đạo cao nhất được thể hiện rõ ràng, mạnh mẽ và kiên quyết. Tạo lập được các điều kiện này cũng chính là thách thức mà chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST phải vượt qua.

### **3.2. Chính sách vượt trội về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo ở Việt Nam**

Ở Việt Nam đã có chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST dưới dạng quy định cụ thể, chủ trương lớn và định hướng nền tảng. Các quy định cụ thể là những nội dung ưu đãi dành cho khu công nghệ cao, một số tổ chức KH&CN đặc biệt (như Viện VKIST,...), một số nhiệm vụ KH&CN đặc biệt,... Các chủ trương vượt trội về KH,CN&ĐMST được xác định trong văn bản của Đảng và Nhà nước thông qua nhấn mạnh việc được hưởng mức ưu tiên cao nhất. Định hướng nền

tảng vượt trội về KH,CN&ĐMST được khẳng định trong văn bản của Đảng và Nhà nước thông qua vai trò như “then chốt”, “quốc sách hàng đầu”,... Liên kết các dạng này cho thấy khá rõ hạn chế của chính sách vượt trội đã có về KH,CN&ĐMST: quy định cụ thể mang tính rời rạc do thiếu mối quan hệ thực chất với chủ trương lớn và định hướng nền tảng; chủ trương lớn vừa không cơ bản vừa không cụ thể do thiếu mối quan hệ thực chất với quy định cụ thể và định hướng nền tảng; định hướng nền tảng mang tính hình thức do thiếu mối quan hệ thực chất với quy định cụ thể và chủ trương lớn.

Có nhiều nguyên nhân gây nên hạn chế của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST, nhưng chủ yếu là định hướng nền tảng chưa rõ ràng dẫn tới chủ trương lớn chưa cụ thể và dẫn tới quy định cụ thể thiếu tính hệ thống. Các nguyên nhân khác như chưa phối hợp tốt giữa các ngành, bất cập về năng lực quản lý,... chỉ là thứ yếu bên cạnh nguyên nhân chủ yếu.

Trước một vấn đề phức tạp, trong giai đoạn tới, chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST ở Việt Nam cần được xác định trên cơ sở làm rõ những tiền đề quan trọng như vai trò vượt trội, lực lượng thực hiện vai trò vượt trội, mức ưu đãi vượt trội. Chỉ có dựa trên những tiền đề rõ ràng, việc xây dựng chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST mới mang lại những kết quả thực chất.

Trong giai đoạn tới, vai trò của KH,CN&ĐMST đã được khẳng định là một đột phá chiến lược trong phát triển đất nước. Đồng thời, nên cụ thể hơn nữa là nhấn mạnh KH,CN&ĐMST đi trước, dẫn dắt phát triển kinh tế-xã hội. Trong cuộc chiến chống tụt hậu và rút ngắn khoảng cách phát triển với thế giới, KH,CN&ĐMST phải đi trước một bước, rút ngắn khoảng cách phát triển sớm hơn so với các lĩnh vực khác. Cần lấy sự phát triển đi trước của KH,CN&ĐMST để mở đường, lôi kéo các lĩnh vực khác thực hiện mục tiêu chung đã đề ra. Đó chính là tính vượt trội của vai trò KH,CN&ĐMST ở Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

Phù hợp với vai trò vượt trội và các đặc điểm khác của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST, lực lượng thực hiện vai trò vượt trội và là đối tượng của chính sách vượt trội phải đáp ứng các yêu cầu:

- Là lực lượng KH,CN&ĐMST vừa độc lập vừa gắn kết chặt chẽ với kinh tế-xã hội. Đi trước nhằm dẫn dắt khác với tách biệt. Đồng thời, vẫn cần thêm các phân tích xác định mức độ thoát ly phù hợp để mang lại hiệu quả cao nhất;
- Phát triển ở Việt Nam trong giai đoạn tới bao gồm cả tuần tự, đi tắt và đón đầu. Lực lượng thực hiện vai trò vượt trội về KH,CN&ĐMST phải gắn với dạng phát triển đi tắt và đón đầu;
- Lực lượng thực hiện vai trò vượt trội về KH,CN&ĐMST phải có những năng lực nhất định về tiếp cận KH,CN&ĐMST mới, hiện đại, gắn kết với kinh tế-xã hội, lan tỏa ảnh hưởng, tự chịu trách nhiệm,... Lực lượng thực hiện vai trò vượt trội là đối tượng chính sách vượt trội cũng có những hạn chế rõ rất cần

hỗ trợ của Nhà nước. Đây là vấn đề cần tiếp tục làm rõ. Có năng lực nhất định và còn hạn chế là hai mặt đối lập nhưng cần kết hợp để đảm bảo chính sách vượt trội có hiệu quả và sớm được khẳng định thông qua những kết quả có tính thuyết phục;

- Lực lượng thực hiện vai trò vượt trội là đối tượng chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST chỉ nên giới hạn trong phạm vi rất hẹp. Mở rộng tràn lan đối tượng của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST (là một xu hướng rất dễ xảy ra ở Việt Nam) sẽ gây nên rối loạn và làm giảm ý nghĩa của chính sách vượt trội. Ý nghĩa của đối tượng chính sách vượt trội không ở quy mô lớn, số lượng đông, hệ thống đồng bộ,... mà ở tính tiên phong, khả năng khẳng định tính mới, tính đột phá,...

Không nên nhìn mức ưu đãi của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST qua so sánh chênh lệch với mặt bằng của chính sách chung và chính sách đặc thù. Chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST là cách vào cuộc tích cực, có trách nhiệm của Nhà nước (đại diện cho lợi ích chung) vào phát triển các hoạt động tiên phong cùng với lực lượng thực hiện vai trò vượt trội. Rộng hơn nữa, bản thân Nhà nước cũng là một lực lượng thực hiện vai trò vượt trội về KH,CN&ĐMST và cách thức thực hiện là thông qua chính sách vượt trội.

Ưu đãi vượt trội đối với một bộ phận không phải là phân dành cho bộ phận đó mà là đầu tư cho một hướng phát triển đặc biệt quan trọng và đặc biệt khó khăn của quốc gia thông qua thành phần cụ thể được lựa chọn.

Phát triển vượt trội về KH,CN&ĐMST hướng tới cạnh tranh với bên ngoài, theo đó, mức ưu đãi cũng phải mang tính cạnh tranh quốc tế. Chỉ có mang tính cạnh tranh quốc tế, mức ưu đãi của chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST mới có thể tạo nên lợi thế riêng cho quốc gia.

Trong thời gian tới, có thể tăng cường chính sách vượt trội về KH,CN&ĐMST với một số giải pháp như:

- Về đầu tư, tài chính KH,CN&ĐMST:
  - + Triển khai nghiên cứu, ứng dụng phát triển công nghệ trong các lĩnh vực KH&CN ưu tiên. Có cơ chế thúc đẩy đổi mới công nghệ theo hướng ứng dụng công nghệ mới, công nghệ hiện đại; hỗ trợ nhập khẩu công nghệ nguồn, công nghệ cao, mua thiết kế, thuê chuyên gia trong nước và nước ngoài thuộc các lĩnh vực ưu tiên. Hỗ trợ đầu tư từ ngân sách nhà nước để nâng cao tiềm lực cho một số tổ chức KH&CN ngoài công lập có tiềm năng phát triển, hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ trong các lĩnh vực ưu tiên, trọng điểm;
  - + Dành nguồn lực tăng cường khả năng hấp thụ công nghệ, ứng dụng có chọn lọc các thành tựu KH&CN tiên tiến của thế giới nhằm phát triển sản phẩm chủ lực, sản phẩm cạnh tranh chiến lược của quốc gia;

- + Tăng cường đầu tư cho xây dựng và tạo điều kiện phát huy tác dụng của các tổ chức KH&CN đẳng cấp quốc tế. Khuyến khích và hỗ trợ tài chính cho các loại hình tổ chức mới như trung tâm đổi mới sáng tạo;
- + Tăng cường đầu tư cho phát triển và tạo điều kiện phát huy tác dụng của đội ngũ nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư;
- + Thực hiện cơ chế đầu tư đặc biệt để triển khai một số dự án KH&CN quy mô lớn phục vụ quốc phòng, an ninh hoặc có tác động mạnh mẽ đến năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm quốc gia.
- Về nhân lực KH&CN:
  - + Ban hành và thực thi các chính sách đặc biệt đối với nhà khoa học đầu ngành, tổng công trình sư, kỹ sư trưởng;
  - + Hỗ trợ cán bộ KH&CN đi làm việc và thực tập có thời hạn tại các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp ở nước ngoài để giải quyết các nhiệm vụ KH&CN có ý nghĩa quốc gia;
- Về tổ chức KH,CN&ĐMST:
  - + Áp dụng các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá xây dựng các tổ chức KH&CN đạt trình độ thế giới, làm hạt nhân cho việc nghiên cứu, phát triển và ứng dụng KH&CN ở các lĩnh vực được ưu tiên. Khuyến khích, hỗ trợ phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo.
- Về hạ tầng KH,CN&ĐMST:
  - + Ưu tiên đầu tư tăng cường năng lực hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm và phòng thí nghiệm chuyên ngành phục vụ trực tiếp phát triển các sản phẩm chủ lực và công nghệ ưu tiên.
- Về nhiệm vụ KH&CN:
  - + Tập trung vào các nhiệm vụ KH&CN phục vụ các lĩnh vực ưu tiên, sản phẩm chủ lực, sản phẩm cạnh tranh chiến lược của quốc gia;
  - + Chú trọng thu hút chuyên gia quốc tế từ các tổ chức KH&CN tiên tiến trên thế giới tham gia xây dựng các nhiệm vụ KH&CN quan trọng.
- Về hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp:
  - + Hỗ trợ xây dựng và phát triển các doanh nghiệp KH&CN. Khuyến khích phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp KH&CN trong các lĩnh vực, ngành công nghiệp chủ lực, ưu tiên.

\*

\* \*

Phân loại chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội cung cấp thêm một góc nhìn về hệ thống chính sách KH,CN&ĐMST. Mỗi loại chính sách

có ý nghĩa riêng, giữa chúng không thể thay thế nhau nhưng có thể hỗ trợ cho nhau. Cơ cấu ba loại chính sách đi sâu phản ánh nhiều quan hệ bản chất của hệ thống chính sách KH,CN&ĐMST như các vai trò khác nhau của KH,CN&ĐMST trong phát triển đất nước, các tương quan khác nhau giữa chính sách KH,CN&ĐMST và chính sách thuộc các lĩnh vực khác, các thái độ chính sách khác nhau của nhà nước đối với KH,CN&ĐMST,... Với Việt Nam, trong thời gian tới, đổi mới chính sách KH,CN&ĐMST phải diễn ra toàn diện, đồng bộ thể hiện ở việc thay đổi cả chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội; đổi mới chính sách KH,CN&ĐMST phải mang tính sâu sắc thể hiện tập trung ở những thay đổi chính sách đặc thù; đổi mới chính sách KH,CN&ĐMST phải mang tính tiên phong tập trung ở thay đổi chính sách vượt trội. Đổi mới trên cơ sở phân loại chính sách chung, chính sách đặc thù và chính sách vượt trội hứa hẹn tạo nên cục diện mới của hệ thống chính sách KH,CN&ĐMST ở Việt Nam./.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đảng Cộng sản Việt Nam (2015). *Báo cáo tổng kết: Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*. Hà Nội, NXB Chính trị quốc gia.
2. Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016). *Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ*. Washington, DC: Nhóm Ngân hàng Thế giới/ Hà Nội: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.
3. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia (2017). “Các xu hướng lớn toàn cầu tác động đến khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo”, *Tổng luận khoa học, công nghệ và kinh tế*, số 4/2017.
4. Cục Thông tin KH&CN Quốc gia (2019). “Các chính sách đổi mới sáng tạo trong kỷ nguyên số”, *Tổng luận Khoa học, Công nghệ, Kinh tế*, số 3/2019.